TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HS-ST
Ngày 26-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Gia KH1;

2.Ông Trần Quang Đương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST- HS ngày 22 tháng 3 năm 2024 và quyết định hoãn phiên toà số 02/2024/HSST-QĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024, đối với:

Bị cáo Mai Thị H sinh ngày 26/7/1979, tại xã G, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; Nơi ĐKHKTT: thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi ở: thôn B, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Nữ tu; học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Mai Văn H, sinh năm 1947 và bà: Mai Thị T, sinh năm 1949; cH, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/01/2024.

Bị hại: Cháu Nguyễn Vũ Văn M, sinh ngày 14/9/2021 (đã chết)

Người đại diện theo pháp luật của bị hại:

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990

Địa chỉ: thôn B1, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình – Là mẹ đẻ bị hại.

Người làm chứng:

- Bà Đinh Thị T1, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình;

- Chị Trần Thị T2, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 9, phường D, thành phố B, tỉnh Thái Bình

- Chị Trần Thị H1, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình

(*Tại phiên tòa có mặt bị cáo, bà T1, chị T2 và chị H1; vắng mặt chị T)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Cộng đoàn Chúa Kitô VBN (gọi tắt Cộng đoàn) ở thôn B, xã H, huyện Q, được thành lập từ năm 1929, chịu sự quản lý, giám sát, điều hành của Dòng nữ đa M Thái Bình, địa chỉ: thôn N, xã Đ, thành phố B, tỉnh Thái Bình. Cộng đoàn có 04 thành viên (nữ tu), theo Văn thư bổ nhiệm, gồm: Maria Madalenna Đinh Thị T1; chức vụ: Phụ trách Cộng đoàn; Tê-rê-xa Trần Thị T2; Anna Trần Thị H1, và Maria Mai Thị H. Đinh Thị T1 là người trực tiếp quản lý, điều hành, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Cộng đoàn. Nữ tu T1, T2 và H không được đào tạo, cấp bằng hoặc chứng chỉ sư phạm mầm non; nữ tu H1 có bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp sư phạm mầm non. Dòng nữ đa M Thái Bình không có văn bản chỉ đạo Cộng đoàn thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập. Nhiệm vụ từng thành viên Cộng đoàn được bàn bạc, thống nhất miệng. Cuối năm 2021, Cộng đoàn sửa chữa cơ sở vật chất, các giáo dân trên địa bàn xã tự nguyện đến giúp, đổi lại các nữ tu giúp trông coi, chăm sóc các trẻ là con, cháu của các giáo dân. Sau đó, nhiều giáo dân, gia đình có hoàn cảnh khó khăn ở địa phương và vùng lân cận đến đề nghị Cộng đoàn nhận nuôi dưỡng, chăm sóc giúp trẻ trong độ tuổi mần non (01 đến 05 tuổi). Lúc đầu, Cộng đoàn chỉ nhận nuôi dưỡng, chăm sóc vài trẻ, sau đó số lượng các trẻ tăng dần. Năm 2022, sử dụng nguồn xã hội hóa, Cộng đoàn cải tạo, xây dựng 02 phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ, diện tích mỗi phòng là 25 m^2 và 35 m^2, khu vui chơi, phòng y tế, bếp ăn, nhà vệ sinh...; phân công việc quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ do H và nữ tu H1 đảm nhiệm. Trong đó, H phụ trách, chăm sóc, nuôi dưỡng các trẻ nhỏ tuổi; nữ tu H1 phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng các trẻ lớn tuổi; nữ tu T2 và T1 hỗ trợ H và nữ tu H1 chăm sóc trẻ vào thời điểm giờ ăn, ngủ. Cộng đoàn không làm thủ tục và cũng không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập. Ngày 28/4/2023, Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Q, đã kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính, yêu cầu Cộng đoàn chấm dứt hành vi vi phạm, chuyển trẻ đủ điều kiện vào học tại các trường mần non công lập, trả lại kinh phí đã thu cho người học (nếu có). Dừng hoạt động khoảng 10 ngày, theo đề nghị của phụ huynh các trẻ, Cộng đoàn hướng dẫn phụ

huynh có nhu cầu thì tự nguyện viết đơn gửi các trẻ đến Cộng Đoàn, mỗi tháng phụ huynh nộp số tiền 600.000đồng/01 trẻ cho Cộng đoàn để chi trả tiền ăn trưa, ăn chiều, mua sách vở, dụng cụ học, đồ chơi cho trẻ, việc quản lý thu chi do nữ tu T2 theo dõi, được lập sổ sách ghi chép và hạch toán đầy đủ (không công khai đến phụ huynh, các nữ tu không hưởng lợi từ khoản thu này), ngoài ra không thu thêm kinh phí nào khác. Chi phí sinh hoạt của các nữ tu, hoạt động của Cộng đoàn dựa trên nguồn ngân sách của Cộng đoàn được cấp và đóng góp thiện nguyện của giáo dân. Ở Cộng đoàn ngoài các nữ tu còn có cháu Hoàng Yến N và cháu Phạm Thị A, con các giáo dân gửi đến ở Cộng đoàn để học hát, đàn, kỹ năng sống, phụ giúp việc quyét dọn, chơi và cho các trẻ ăn trong thời gian hè. Đến tháng 7/2023, ở Cộng đoàn có 02 lớp, lớp do H phụ trách 10 trẻ từ 01 đến dưới 03 tuổi; lớp do nữ tu H1 phụ trách 09 trẻ từ 03 đến 05 tuổi, thời gian nhận chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ từ 7 giờ sáng đến 18 giờ chiều, từ thứ 2 đến thứ 7 hằng tuần.

Tháng 02 năm 2023, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, chị Nguyễn Thị T, làm đơn xin cho con trai là Nguyễn Vũ Văn M, đến học tại Cộng đoàn. Cháu M được xếp vào lớp do H quản lý. Khoảng 07 giờ ngày 18/7/2023, chị T chở cháu M và cháu C (con của em gái chị T) đến Cộng đoàn. Theo sự thống nhất trách nhiệm nhận trẻ từ 01 đến 03 tuổi vào sáng ngày 18/7/2023 thuộc về H. Vào sân, chị T dừng dựng xe bế cháu M tới cửa lớp thì cháu Phạm Thị A tự ra bế cháu M đưa vào lớp trẻ nhỏ, cháu Hoàng Thị Yến N dẫn cháu C vào lớp trẻ lớn. Lúc này, nữ tu T2, T1 và H1 không ở Cộng đoàn, H đang quyét dọn ở khu vực phía sau lớp, qua cửa sổ nhìn thấy chị T đưa cháu M cho cháu A, cháu Thi bế cháu M vào lớp. Nghĩ cháu M tự chơi trong lớp nên Hồng tiếp tục quét dọn. Do cửa phòng không có vật rào chắn các trẻ tự do ra sân phía trước lớp vui chơi, đá bóng. Ít phút sau, thấy có đông trẻ chơi ở sân, Hồng đã lại đưa các trẻ vào lớp nhìn không thấy cháu M nên đã gọi và tìm. Nữ tu T1 đi chợ về cùng H tìm thì phát hiện cháu M mặc quần đùi, áo phông, nằm sấp, nổi trên mặt nước ao liền sân phía trước phòng học, cách bờ khoảng 02 mét, cạnh quả bóng. H lội xuống bế cháu M về phòng y tế T2 quần áo, thực hiện các biện pháp sơ cứu rồi đưa đến Bệnh viện đa khoa huyện Q. Hậu quả: cháu M bị tử vong do ngạt nước.

Bản kết luận giám định mô bệnh học số 5387A/KL-KTHS ngày 03/8/2023 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: "*Hình ảnh phổi tổn thương do ngạt nước, dị vật trong lòng phế quản, các tạng khác xung huyết*",

Bản kết luận số 5387B/KL-KTHS của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: "*Trong mẫu phủ tạng ghi thu của tử thi Nguyễn Vũ Văn M gửi giám định không tìm thấy các chất độc thường gặp: cyanide (CN); thuốc diệt chuột (nhóm chống đông máu, các muối phốt phua, fluoroacetat, tetramine); hóa chất bảo vệ thực vật (phospho hữu cơ, clo hữu cơ, carbamat, pyrethroid, sulfonyl, urea, acetamid, triazin, paraquat, diquat, glyphosate, glufosinate, nereistoxin), alkaloid độc của lá ngón, mã tiền, cà độc dược, ô đầu-phụ tử; các chất an thần gây ngủ, kim loại nặng độc*".

Bản kết luận giám định tử thi Nguyễn Vũ Văn M số 1108/KLGĐTT-KTHS ngày 30/8/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình: "*Các kết quả chính: Khám ngoài: bên ngoài cơ thể không phát hiện thấy dấu vết tổn thương do ngoại lực tác động. Khám trong: khí phế quản xung huyết, trong lòng có ít dịch bọt màu trắng đục, phổi sung huyết, bề mặt rải rác có chấm xuất huyết, căng bóng, mật độ chắc, diện cắt có máu trào ra; các cơ quan khác xung huyết, không tổn thương. Giám định mô bệnh học: hình ảnh phổi tổn thương do ngạt nước, dị vật trong lòng phế quản; các tạng khác xung huyết. Giám định chất độc: trong mẫu máu và phủ tạng thu của tử thi Nguyễn Vũ Văn M gửi giám định đều không tìm thấy các chất độ thường gặp, hóa chất bảo vệ thực vật, alkaloid độc của lá ngón, mã tiền, cà độc dược, ô đầu phụ tử, các chất an thần gây ngủ, kim loại nặng độc. Kết luận: Nạn nhân chết do ngạt nước*".

Tại phiên tòa bị cáo khai toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng có mặt tại phiên toà và phù hợp với nội dung vụ án nêu trên. Bị cáo đã bồi thường cho đại diện của bị hại số tiền 100.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết về trách nhiệm dân sự.

Bản cáo trạng số 25/CT-VKSQP ngày 04/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình truy tố Mai Thị H về tội "*Vô ý làm chết người*" theo quy định tại khoản 1 Điều 128 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh tuyên bố bị cáo Mai Thị H phạm tội "*Vô ý làm chết người*":

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 128, Điều 50, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, khoản 1 Điều 585 và Điều 591 của Bộ luật Dân sự: ghi nhận sự thoả thuận giữa bị cáo và đại diện theo pháp luật của bị hại về việc bị cáo đã bồi thường số tiền 100.000.000 đồng, gồm các khoản chi phí cứu chữa, mai táng, tổn thất về tinh thần của bị hại. Bị cáo đã bồi thường xong nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21 và Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo pH1 chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, xuất phát từ việc bị cáo không có trình độ nghiệp vụ sư phạm, không có chứng chỉ hành nghề mà lại thực hiện trông trẻ dưới 3 tuổi trong đó có trách nhiệm trông coi cháu M nhưng do thiếu trách nhiệm, thiếu chú ý quan sát trong việc coi cháu M vào sáng ngày 18/7/2023 nên cháu M rơi xuống ao, dẫn đến hậu quả làm cho cháu M chết, việc cháu M chết là ngoài ý muốn, ngoài hành vi kiểm soát của bị cáo. Hành vi của bị cáo là lỗi vô ý do cẩu thả. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố và được chứng M bằng các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q, tỉnh Thái Bình lập ngày 18/7/2023, kèm bản ảnh và Biên bản khám nghiệm tử thi cháu Nguyễn Vũ Văn M do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập cùng ngày 18/7/2023; Kết luận giám định mô bệnh học số 5387A/KL-KTHS ngày 03/8/2023 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an; Kết luận số 5387B/KL-KTHS của Viện khoa học hình sự Bộ Công an; Kết luận giám định tử thi Nguyễn Vũ Văn M số 1108/KLGĐTT-KTHS ngày 30/8/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Lời khai của người làm chứng có mặt tại phiên toà và người làm chứng cháu Phạm Thị A, sinh ngày 06/8/2011, cư trú: thôn C, xã L, huyện T, tỉnh Thái Bình; Biên bản ghi lời khai đại diện bị hại; Biên bản vi phạm hành chính do Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q lập;Biên bản kiểm tra, xác M và làm việc giữa đại diện của Phòng giáo dục huyện và Ủy ban nhân dân xã H, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Cộng đoàn Chúa Kitô VBN ở thôn B, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình, không được cấp phép thành lập, không đủ điều kiện hoạt động trong lĩnh vực giáo dục trẻ mầm non nhưng do đề nghị của một số giáo dân, người dân có hoàn cảnh khó khăn đã nhận quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các trẻ mầm non. Mai Thị H chưa được đào tạo nghiệp vụ sư phạm mầm non, không có đầy đủ kỹ năng, nghiệp vụ quản lý, chăm sóc, giáo dục trẻ, nhưng vẫn

nhận quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc 10 trẻ từ 01 đến dưới 03 tuổi trong đó có cháu Nguyễn Vũ Văn M, sinh ngày 14/9/2021. Sáng ngày 18/7/2023, chị Nguyễn Thị T đưa cháu Nguyễn Vũ Văn M, vào lớp của H. Đến khoảng 07 giờ 15 phút, do cẩu thả trong quản lý, bảo vệ an toàn về tính mạng cho trẻ, dẫn đến việc cháu M chơi tự do, ngã xuống ao có mực nước sâu từ 0,71 mét đến 0,91 mét, cách cửa lớp 21,9 mét. Hậu quả: cháu Nguyễn Vũ Văn M bị tử vong do ngạt nước. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "*Vô ý làm chết người*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 128 Bộ luật Hình sự.

Điều 128. Tội Vô ý làm chết người

"1. Người nào vô ý làm chết người, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội làm chết 02 người trở lên, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm".

Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố bị cáo về tội "*Vô ý làm chết người*" theo khoản 1 Điều 128 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm quyền sống của người khác. Hành vi trên của bị cáo đã gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, bị cáo pH1 chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật với mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo thấy: Sau khi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đại diện theo pháp luật của bị hại có đơn và có ý kiến xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên đây được coi là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với quy định của Điều 65 Bộ luật Hình sự, giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe giáo dục bị cáo và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói riêng. Mức án áp dụng đối với bị cáo như Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận, bồi thường tổng số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*). Bị cáo và đại diện theo pháp luật của bị hại không đề nghị giải quyết về trách nhiệm dân sự nên cần ghi nhận sự thỏa thuận này là phù hợp với khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, khoản 1 Điều 585 và Điều 591 của Bộ luật Dân sự.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 135 khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và đại diện theo pháp luật của bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Mai Thị H phạm tội "*Vô ý làm chết người*".

2.Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 128; Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 và khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Mai Thị H 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/4/2024). Giao bị cáo Mai Thị H cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú hoặc thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án Hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó pH1 chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3.Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, khoản 1 Điều 585 và Điều 591 của Bộ luật Dân sự: ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và gia đình bị hại về việc bị cáo đã bồi thường cho đại diện theo pháp luật của bị hại số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*). Bị cáo đã bồi thường xong.

4.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Mai Thị H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: bị cáo Mai Thị H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện theo pháp luật của bị hại chị Nguyễn Thị T

vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị hại;
-VKSND h. Quỳnh Phụ;
-VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã H, h.Quỳnh Phụ;
-UBND xã B, huyện T;
- Công an &Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- Cơ quan THAHS Công an h.Quỳnh Phụ;
- TAND & Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên